

Số: /2022/TT-BGTVT Hà Nội, ngày tháng năm 2022

THÔNG TƯ

Hướng dẫn một số nội dung về phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu lựa chọn nhà đầu tư theo phương thức đối tác công tư và mẫu loại hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao thuộc ngành giao thông vận tải

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 28/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng và Chất lượng công trình giao thông;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung về phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu lựa chọn nhà đầu tư theo phương thức đối tác công tư và mẫu loại hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao thuộc ngành giao thông vận tải.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn một số nội dung về phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu lựa chọn nhà đầu tư theo phương thức đối tác công tư và mẫu loại hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (sau đây gọi là hợp đồng BOT) thuộc ngành giao thông vận tải.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động lựa chọn nhà đầu tư theo phương thức đối tác công tư và ký kết hợp đồng BOT thuộc ngành giao thông vận tải.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Trong các Phụ lục I, II, III, IV ban hành kèm theo Thông tư này, các nội dung in đứng mang tính bắt buộc phải áp dụng, các nội dung in nghiêng nhằm mục đích hướng dẫn và được cụ thể hóa trên cơ sở quy mô, tính chất và điều kiện riêng (nếu có) của từng lĩnh vực và của từng dự án nhưng không được nêu bất cứ tiêu chuẩn hoặc điều kiện nào nhằm hạn chế tham gia của nhà đầu tư hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà đầu tư.

2. Tiêu chuẩn đánh giá phải công khai trong hồ sơ mời thầu (sau đây gọi là HSMT). Trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu (sau đây gọi là HSDT) phải tuân thủ tiêu chuẩn đánh giá nêu trong HSMT không được thay đổi hay bổ sung bất kỳ nội dung nào.

3. Hợp đồng BOT ký kết giữa Cơ quan ký kết hợp đồng với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án (sau đây gọi là DNDA) thực hiện theo mẫu loại hợp đồng BOT quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này. Trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, các bên có thể đề xuất hiệu chỉnh, bổ sung nội dung hợp đồng đảm bảo không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT và không trái với quy định của HSMT, pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Đối với các loại Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh (BTO), Hợp đồng Xây dựng - Sở hữu - Kinh doanh (BOO), Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Thuê dịch vụ (BLT), Hợp đồng Xây dựng - Thuê dịch vụ - Chuyển giao (BTL) và Hợp đồng hỗn hợp: Quá trình thực hiện, Bên mời thầu có thể tham khảo các nội dung phù hợp của mẫu loại hợp đồng BOT quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này để xây dựng mẫu loại hợp đồng trong HSMT đảm bảo phù hợp với loại hợp đồng, tính chất đặc thù của từng lĩnh vực, dự án và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II

PHƯƠNG PHÁP VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU

Điều 4. Đánh giá hồ sơ dự thầu

Phương pháp đánh giá HSDT thông qua tiêu chuẩn đánh giá trong HSMT bao gồm:

1. Đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật (sau đây gọi là HSDXKT) đối với dự án áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đàm phán cạnh tranh theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là Luật PPP)

a) Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDXKT: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 56 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật PPP (sau đây gọi là Nghị định số 35/2021/NĐ-CP).

b) Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Đối với dự án áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi đã sơ tuyển: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 56 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP;

Đối với dự án áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi không sơ tuyển, đàm phán cạnh tranh theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật PPP, việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này;

Nhà đầu tư có HSDXKT được đánh giá hợp lệ và đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm được xem xét, đánh giá chi tiết về kỹ thuật.

c) Đánh giá chi tiết về kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật thì được xem xét, đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại.

2. Đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại đối với dự án áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi và đàm phán cạnh tranh theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật PPP

a) Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 59 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP;

b) Sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 mục 2 Phần B Chương III Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất (sau đây gọi là Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT);

c) Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá: Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

3. Đánh giá HSDT đối với trường hợp dự án áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Luật PPP

a) Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và khoản 5 Điều 29 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP;

b) Đánh giá năng lực, kinh nghiệm: Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này;

c) Đánh giá chi tiết về kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, trong đó tiêu chuẩn đánh giá chi tiết về kỹ thuật sử dụng phương pháp đánh giá đạt, không đạt theo mục II Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này. Không quy định về danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật;

d) Đánh giá chi tiết về tài chính - thương mại: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và Điều 7 Thông tư này, không quy định về xếp hạng nhà đầu tư.

4. Đánh giá HSĐT đối với trường hợp dự án áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Luật PPP

a) Đánh giá tư cách hợp lệ: Thực hiện theo quy định tại Điều 29 Luật PPP và khoản 5 Điều 29 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP;

b) Đánh giá năng lực, kinh nghiệm: Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

Điều 5. Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

1. Phương pháp đánh giá

a) Đối với nhà đầu tư độc lập: Thực hiện theo quy định tại khoản 3.1 mục 3 Phần A Chương III Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT;

b) Đối với nhà đầu tư liên danh: Thực hiện theo quy định tại khoản 3.1 và khoản 3.2 mục 3 Phần A Chương III Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT.

2. Tiêu chuẩn đánh giá: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

1. Phương pháp đánh giá: Thực hiện theo quy định tại khoản 4.1 mục 4 Phần A Chương III Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT.

2. Tiêu chuẩn đánh giá: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá về tài chính - thương mại

1. Căn cứ quy mô, tính chất của dự án, bên mời thầu phải xác định một trong các phương pháp dưới đây để so sánh, xếp hạng nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về tài chính - thương mại:

a) Phương pháp so sánh, xếp hạng dựa trên tiêu chuẩn vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng (VGF) (không áp dụng đối với dự án PPP có tiểu dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 70 Luật PPP), các nội dung khác như thời gian hoàn vốn, giá, phí sản phẩm và các yếu tố có liên quan đã được xác định rõ trong HSMT.

Nhà đầu tư đề xuất vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng thấp nhất được xếp thứ nhất và được đề nghị trúng thầu.

Trường hợp nhà đầu tư thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì phải tính toán giá trị vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng của nhà đầu tư đó trước khi thực hiện bước xếp hạng nhà đầu tư theo công thức quy định tại mục CDNĐT 26.3 Chương II Phần 1 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT.

Trường hợp các nhà đầu tư đề xuất giá trị phần vốn góp của nhà nước bằng nhau, xếp hạng nhà đầu tư sẽ căn cứ theo kết quả đánh giá kỹ thuật. Trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm, HSĐT của nhà đầu tư có điểm

đánh giá kỹ thuật cao hơn được xếp thứ nhất. Trường hợp sử dụng phương pháp đánh giá đạt, không đạt, HSDT của nhà đầu tư có số lượng các tiêu chuẩn chi tiết không cơ bản được đánh giá chấp nhận được ít hơn được xếp thứ nhất.

b) Phương pháp so sánh, xếp hạng dựa trên tiêu chuẩn giá, phí sản phẩm, dịch vụ công, các nội dung khác như tiêu chuẩn đối với tài sản, dịch vụ thuộc dự án, thời gian thực hiện hợp đồng và các yếu tố có liên quan đã được xác định rõ trong HSMT.

Nhà đầu tư đề xuất giá, phí sản phẩm, dịch vụ công thấp nhất được xếp thứ nhất và được đề nghị trúng thầu.

Trường hợp nhà đầu tư thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì phải tính toán giá, phí sản phẩm, dịch vụ công của nhà đầu tư đó trước khi thực hiện bước xếp hạng nhà đầu tư theo công thức quy định tại mục CDNĐT 26.3 Chương II Phần 1 Phụ lục IV của mẫu HSMT ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT.

Trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên đề xuất cùng một mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công thấp nhất, xếp hạng nhà đầu tư sẽ căn cứ theo đánh giá kỹ thuật. Trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm, HSDT của nhà đầu tư có điểm đánh giá kỹ thuật cao hơn được xếp thứ nhất. Trường hợp sử dụng phương pháp đánh giá đạt, không đạt, HSDT của nhà đầu tư có số lượng các tiêu chuẩn chi tiết không cơ bản được đánh giá chấp nhận được ít hơn được xếp thứ nhất.

c) Phương pháp so sánh, xếp hạng dựa trên tiêu chuẩn lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước, các nội dung khác có liên quan đã được xác định rõ trong HSMT.

Nhà đầu tư đề xuất nộp ngân sách nhà nước cao nhất hoặc thời gian thực hiện hợp đồng ngắn nhất được xếp thứ nhất và được đề nghị trúng thầu.

Trường hợp nhà đầu tư thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì phải tính toán giá trị đề xuất nộp ngân sách nhà nước hoặc khoảng thời gian thực hiện hợp đồng của nhà đầu tư đó trước khi thực hiện bước xếp hạng nhà đầu tư theo công thức quy định tại mục CDNĐT 26.3 Chương II Phần 1 Phụ lục IV của mẫu HSMT ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT.

Trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên đề xuất mức nộp ngân sách cao nhất hoặc khoảng thời gian thực hiện hợp đồng ngắn nhất bằng nhau, xếp hạng nhà đầu tư sẽ căn cứ theo đánh giá kỹ thuật. Trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm, HSDT của nhà đầu tư có điểm đánh giá kỹ thuật cao hơn được xếp thứ nhất. Trường hợp sử dụng phương pháp đánh giá đạt, không đạt, HSDT của nhà đầu tư có số lượng các tiêu chuẩn chi tiết không cơ bản được đánh giá chấp nhận được ít hơn được xếp thứ nhất.

d) Phương pháp so sánh, xếp hạng dựa trên các tiêu chuẩn kết hợp thực hiện theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Căn cứ quy mô, tính chất của dự án và tiêu chuẩn đánh giá xác định theo quy định tại khoản 1 Điều này, bên mời thầu nêu rõ các nội dung đánh giá về tài chính - thương mại theo quy định tại điểm 2.2.2 mục 2 Phần B Chương III Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT.

Chương III

MẪU LOẠI HỢP ĐỒNG BOT

Điều 8. Văn bản thỏa thuận của các bên về hợp đồng

Văn bản thỏa thuận của các bên về hợp đồng, bao gồm: Căn cứ pháp lý ký kết hợp đồng dự án; thông tin chung về các bên ký kết hợp đồng dự án (cơ quan ký kết hợp đồng, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án); hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý; thời hạn hợp đồng và thời điểm có hiệu lực của hợp đồng.

Điều 9. Điều kiện chung của hợp đồng

Điều kiện chung của hợp đồng gồm các điều khoản chung được áp dụng trong các Hợp đồng BOT thuộc ngành giao thông vận tải.

Điều 10. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Điều kiện cụ thể của hợp đồng làm rõ các nội dung tương ứng với điều kiện chung của Hợp đồng BOT thuộc ngành giao thông vận tải.

Điều 11. Phụ lục hợp đồng

Phụ lục hợp đồng là một bộ phận cấu thành của hợp đồng dự án. Trường hợp cần thiết, hợp đồng có thể có phụ lục hợp đồng kèm theo để quy định chi tiết một số điều khoản của hợp đồng.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với HSMT đã được phê duyệt trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực nhưng chưa được phát hành thì bên mời thầu căn cứ các quy định tại Thông tư này để sửa đổi, bổ sung và trình cơ quan có thẩm quyền (sau đây gọi là CQCTQ) phê duyệt điều chỉnh.

2. Đối với HSMT đã được phát hành trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì hành mà chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thì tiếp tục đánh giá HSDT trên cơ sở HSMT đã phát hành.

3. Đối với các dự án đã phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì hành thì CQCTQ, Cơ quan ký kết hợp đồng và nhà đầu tư, DNDA tiến hành đàm phán, ký kết hợp đồng trên cơ sở HSMT đã phát hành và HSDT do nhà đầu tư nộp.

4. Đối với các dự án đã ký hợp đồng trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì hành thì được tiếp tục thực hiện theo hợp đồng dự án đã ký kết. Quá trình thực hiện, trường hợp có điều chỉnh, bổ sung hợp đồng, CQCTQ, Cơ quan ký kết hợp đồng và nhà đầu tư, DNDA trên cơ sở các quy định tại Thông tư này tổ chức tiến hành thương thảo, đàm phán, ký kết phụ lục hợp đồng để triển khai thực hiện.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2022.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng các Cục thuộc Bộ Giao thông vận tải, Giám đốc các Ban Quản lý dự án thuộc Bộ Giao thông vận tải, Giám đốc các Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 14;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL; Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (Bộ Tư pháp);
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Công thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, CQLXD.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Duy Lâm